TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T- TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 73/2022/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 14 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 giữa:

Chị Nguyễn Thị Hà G, sinh năm 2000

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2000.

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hà G và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Hà G và anh Nguyễn Văn T công nhận vợ chồng có một con chung là Nguyễn Hà M, sinh ngày 09-7-2020. Ly hôn, chị G và anh T thống nhất thỏa thuận: Chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu My, anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 tháng, thời gian thực hiện từ tháng 12/2022 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày chị G có đơn yêu cầu thi hành án mà anh T không thi hành hoặc thi hành không đủ tiền cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ cho chị G, thì hàng tháng anh T

còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hà G nhận chịu toàn bộ 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái theo biên lai số AA/2021/0001982 ngày 21-10-2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- THADS huyện T;
- VKSND huyện T;
- UBND xã T, h.T;
- LHSVA, KT, tập QĐ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Mai Hằng